

Thiết kế và đổi mới chương trình đào tạo ngành Tâm lý học: từ WINCER đến ứng dụng trong hỗ trợ tâm lý cộng đồng

Bùi Thị Việt

Khoa Tâm lý – Giáo dục, Trường Đại học Nguyễn Tất Thành, Thành phố Hồ Chí Minh
btviet@ntt.edu.vn

Tóm tắt

Trong bối cảnh Giáo dục 4.0, ngành Tâm lý học đang đứng trước yêu cầu đổi mới để đáp ứng năng lực thế kỷ 21 và thích ứng với thị trường lao động hiện đại. Nghiên cứu này nhằm phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn của việc thiết kế, đổi mới chương trình đào tạo ngành Tâm lý học theo định hướng hội nhập và phát triển bền vững. Phương pháp nghiên cứu sử dụng phân tích – tổng hợp tài liệu, so sánh – đối chiếu khung chương trình đào tạo hiện hành và vận dụng mô hình WINCER (Work Integrated – Industry Relevant – Community Engaged – Research Driven) nhằm xác lập định hướng phát triển chương trình gắn kết giữa đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng. Kết quả nghiên cứu làm rõ các giải pháp đổi mới chương trình đào tạo: tích hợp công nghệ số, kỹ năng mềm và học tập qua trải nghiệm; đo lường, đánh giá chuẩn đầu ra phù hợp với yêu cầu nghề nghiệp; thiết kế các hoạt động cộng đồng gắn lý thuyết với thực tiễn. Mô hình WINCER giúp nâng cao tính thực hành, tính ứng dụng và năng lực phục vụ xã hội của sinh viên ngành Tâm lý học.

Nhận 03/01/2025
Được duyệt 13/05/2025
Công bố 28/12/2025

Từ khóa
tâm lý học, Giáo dục
4.0, chuẩn đầu ra,
WINCER,
phát triển bền vững

© 2025 Journal of Science and Technology - NTTU

1 Mở đầu

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự phát triển mạnh mẽ của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, giáo dục đại học ngày càng đóng vai trò quan trọng trong việc chuẩn bị nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu xã hội. Đặc biệt, ngành Tâm lý học (TLH) – một lĩnh vực có tính ứng dụng cao, gắn liền với đời sống xã hội, sức khỏe tinh thần và hành vi con người – đang đối mặt với nhiều thách thức và cơ hội. Sự phát triển của công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, cùng với nhu cầu gia tăng trong

chăm sóc tâm lý đã đặt ra yêu cầu cấp thiết về đổi mới chương trình đào tạo (CTĐT). Để đáp ứng xu hướng và tạo lợi thế cạnh tranh, các cơ sở giáo dục đại học cần tập trung cải tiến nội dung, phương pháp và chiến lược phát triển, bao gồm: (1) tích hợp công nghệ và AI vào đào tạo; (2) đẩy mạnh tính ứng dụng thực tiễn thông qua các chương trình thực tập và nghiên cứu cộng đồng; (3) phát triển kỹ năng mềm và tư duy phản biện phù hợp với thị trường lao động toàn cầu [1, 2]. Các xu hướng này không chỉ nâng cao chất lượng đào tạo mà

còn củng cố vị thế của ngành học trong thời đại toàn cầu hóa.

Tại Trường Đại học Nguyễn Tất Thành (NTTU), ngành TLH đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ và nhận được đánh giá tích cực từ đơn vị kiểm định. Tuy nhiên, để đạt chuẩn chất lượng khu vực Đông Nam Á và đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, CTĐT cần được điều chỉnh để phù hợp với bối cảnh mới. Những vấn đề như tích hợp kỹ năng thế kỷ 21, đổi mới phương pháp giảng dạy, đo lường hiệu quả chuẩn đầu ra, và phát triển các hoạt động phục vụ cộng đồng cần được thực hiện một cách đồng bộ và khoa học. Một lộ trình cải tiến toàn diện sẽ không chỉ giúp định vị ngành TLH tại NTTU mà còn góp phần cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của xã hội. Kết quả kiểm định CTĐT ngành TLH tại NTTU trong năm 2024 không chỉ phản ánh chất lượng hiện tại mà còn cung cấp cơ sở khoa học để định hướng cải tiến toàn diện.

Bài viết này tập trung làm rõ các giải pháp nhằm tăng cường sự gắn kết giữa lý thuyết và thực hành, đảm bảo tính ứng dụng thực tiễn, đồng thời hướng tới phát triển bền vững. Các giải pháp này không chỉ đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động mà còn góp phần thúc đẩy sự phát triển lâu dài của ngành TLH trong bối cảnh xã hội không ngừng đổi mới. Tuy nhiên, các nghiên cứu trong nước vẫn còn thiếu các mô hình tích hợp đào tạo, thực hành và phục vụ cộng đồng một cách bài bản [1, 2].

2 Kết quả nghiên cứu

2.1 Thiết kế CTĐT các kỹ năng cần thiết của thế kỷ 21 và bối cảnh Giáo dục 4.0

Trong bối cảnh cuộc Cách mạng 4.0, ngành TLH đang đối diện với những thách thức và cơ hội lớn chưa từng có. Việc xây dựng và thiết kế CTĐT các kỹ năng cần thiết của thế kỷ 21 là một yêu cầu cấp bách, đặc biệt đối với NTTU. Lý do đầu tiên là sự thay đổi trong cách tiếp cận của khoa học và công nghệ đối với con người. Sự phát triển của trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và tự động hóa đòi hỏi các chuyên gia tâm lý phải nắm vững kỹ

năng phân tích dữ liệu, ứng dụng công nghệ trong nghiên cứu và can thiệp tâm lý [4]. Thứ hai, trong thế giới đa văn hóa và toàn cầu hóa, sinh viên (SV) ngành TLH cần phát triển kỹ năng giao tiếp đa chiều, tư duy phản biện và khả năng hợp tác quốc tế. Kỹ năng giải quyết vấn đề và sáng tạo cũng trở thành cốt lõi khi đối mặt với những khía cạnh phức tạp của tâm lý con người trong xã hội hiện đại. Cuối cùng, trong bối cảnh Giáo dục 4.0, việc tích hợp công nghệ vào quá trình học tập và giảng dạy là không thể thiếu. SV ngành TLH cần được trang bị năng lực sử dụng các công cụ công nghệ mới, từ ứng dụng thực tế ảo trong trị liệu đến các nền tảng học tập trực tuyến để phát triển liên tục. Đây chính là những yếu tố quan trọng để xây dựng CTĐT đáp ứng nhu cầu thời đại mới, giúp SV vững vàng bước vào thị trường lao động.

2.2 Các kỹ năng cần thiết của thế kỷ 21 và bối cảnh Giáo dục 4.0

Tích hợp công nghệ số trong ngành TLH là nhu cầu cấp thiết trong thời đại số hóa. Cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 đã thay đổi phương thức nghiên cứu và thực hành của nhiều ngành, bao gồm TLH. Công nghệ số hỗ trợ xử lý dữ liệu nhanh chóng và cung cấp các công cụ hiện đại như phần mềm tham vấn trực tuyến hay ứng dụng TLH trong trí tuệ nhân tạo (AI). Việc đưa các môn học mới vào CTĐT giúp SV làm quen với các công cụ tiên tiến, phục vụ hiệu quả hơn trong nghiên cứu, tham vấn và đánh giá tâm lý [4].

Môn học TLH ứng dụng AI: trong bối cảnh Cách mạng 4.0, giảng dạy nội dung TLH ứng dụng AI là cần thiết để SV có kỹ năng phù hợp với thế kỷ 21. Thứ nhất, AI đóng vai trò quan trọng trong phân tích hành vi con người, với khả năng xử lý dữ liệu lớn liên quan đến cảm xúc, xu hướng tâm lý, và hành vi. Việc nắm bắt công nghệ này giúp SV đánh giá, can thiệp sớm và hỗ trợ tâm lý trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, và quản trị nhân sự. Thứ hai, AI cung cấp các công cụ như ứng dụng phân tích cảm xúc tự động, phần mềm trị liệu số, và nền tảng hỗ trợ tâm lý từ xa, mở rộng khả năng tiếp cận dịch vụ tâm lý trong bối cảnh thiếu hụt nhân lực. Cuối cùng,

hiều biết và ứng dụng AI giúp SV thích nghi với thị trường lao động tương lai, hỗ trợ nghiên cứu và tạo ra các phương pháp trị liệu mới. Điều này không chỉ nâng cao chuyên môn mà còn giúp SV đáp ứng tốt hơn nhu cầu của thời đại [4].

Học phần Phân tích dữ liệu Tâm lý: nội dung này trang bị cho SV khả năng bắt kịp xu hướng nghiên cứu và thực hành hiện đại. Thứ nhất, khai thác dữ liệu lớn (big data) cho phép thu thập và phân tích thông tin từ nhiều nguồn như mạng xã hội, khảo sát trực tuyến, hay cơ sở dữ liệu y tế, giúp nhanh chóng nhận diện xu hướng tâm lý và dự đoán hành vi, trạng thái tâm lý. Điều này hỗ trợ can thiệp và trị liệu hiệu quả hơn. Thứ hai, việc thành thạo các phần mềm phân tích như SPSS, R, hoặc Python là yêu cầu bắt buộc đối với các nhà TLH hiện đại, giúp SV thiết kế nghiên cứu, phân tích kết quả, và đưa ra kết luận chính xác. Cuối cùng, kỹ năng phân tích dữ liệu không chỉ nâng cao khả năng thích ứng với công nghệ mà còn mở rộng cơ hội nghề nghiệp trong các lĩnh vực như nghiên cứu thị trường, giáo dục, chăm sóc sức khỏe, và quản trị nhân sự [4]. Đây là bước đệm quan trọng để SV phát triển kỹ năng chuyên môn, đáp ứng nhu cầu xã hội trong bối cảnh Giáo dục 4.0.

Trong bối cảnh công nghệ phát triển mạnh mẽ, ngành TLH cần đổi mới để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội hiện đại. Phát triển kỹ năng mềm là yếu tố quan trọng trong CTĐT ngành TLH, giúp SV nắm vững kiến thức chuyên môn và thành thạo các kỹ năng cần thiết của thế kỷ 21. Các kỹ năng như giao tiếp, làm việc nhóm, tư duy phản biện và giải quyết vấn đề hỗ trợ SV tương tác hiệu quả với khách hàng và đồng nghiệp, đặc biệt trong các tình huống phức tạp [5, 6]. Đồng thời, trong môi trường Giáo dục 4.0, kỹ năng tự học, quản lý thời gian và khả năng thích ứng linh hoạt với sự thay đổi giúp SV cập nhật và phát triển không ngừng. Ngoài ra, các kỹ năng đồng cảm, lắng nghe và thấu hiểu cũng góp phần nâng cao hiệu quả trong thực hành nghề nghiệp, đặc biệt trong lĩnh vực tư vấn và hỗ trợ tâm lý. Do đó, việc xây dựng CTĐT kết hợp giữa kiến thức chuyên môn và kỹ năng mềm là cần thiết để SV thích

nhghi và phát triển trong môi trường giáo dục và xã hội hiện đại [5, 6].

Nội dung CTĐT kỹ năng mềm có thể bao gồm: giao tiếp chuyên nghiệp; trình bày ý tưởng, xây dựng niềm tin trong tham vấn tâm lý; kỹ năng lãnh đạo: ra quyết định, xử lý khủng hoảng tâm lý trong tổ chức); quản lý thời gian (lập kế hoạch, cân bằng công việc và đời sống cá nhân).

Tích hợp các kỹ năng thế kỷ 21 vào CTĐT, như tư duy sáng tạo và phản biện, giúp SV phát triển khả năng phân tích và giải quyết vấn đề linh hoạt. Các dự án thực tiễn có thể yêu cầu SV sử dụng phương pháp như Design thinking để tiếp cận và giải quyết vấn đề tâm lý, đặt SV vào các tình huống giả định để phân tích và xử lý các trường hợp phức tạp (học qua tình huống). Điều này khuyến khích sự sáng tạo trong việc xác định vấn đề, phát triển ý tưởng, thử nghiệm và điều chỉnh giải pháp, giúp SV đưa ra quyết định dựa trên phân tích logic và sáng tạo. Trong bối cảnh công nghệ và dữ liệu ngày càng trở thành công cụ mạnh mẽ, khả năng sử dụng chúng để giải quyết các thách thức trong lĩnh vực TLH là vô cùng cần thiết.

Việc đưa học tập qua trải nghiệm vào CTĐT ngành TLH giúp SV áp dụng lý thuyết vào thực tế, nâng cao khả năng xử lý các tình huống tâm lý phức tạp trong tham vấn và trị liệu. Điều này giúp phát triển kỹ năng giao tiếp, quản lý cảm xúc, khả năng ra quyết định, và làm việc trong môi trường thực tế – những yếu tố mà các lý thuyết học thuật không thể thay thế hoàn toàn. Trải nghiệm thực hành cũng giúp SV thích nghi và đáp ứng các yêu cầu của thế kỷ 21 [7].

Một số hoạt động học tập qua trải nghiệm có thể được tổ chức bao gồm: thực tập tại các cơ sở tâm lý; làm việc tại bệnh viện, trung tâm hỗ trợ tâm lý, hoặc doanh nghiệp; chương trình hỗ trợ cộng đồng: tham gia các sự kiện tâm lý giáo dục hoặc chương trình từ thiện liên quan đến sức khỏe tinh thần. Phân tích tình huống thực tế: hướng dẫn SV phân tích các ca tâm lý dựa trên dữ liệu thực từ các trường hợp nghiên cứu.

Việc tích hợp công nghệ số, kỹ năng mềm, tư duy sáng tạo và học tập qua trải nghiệm giúp SV phát triển toàn diện, thích ứng linh hoạt với thị trường lao động thế kỷ 21. Đây là định hướng quan trọng để ngành TLH đổi mới CTĐT theo hướng hội nhập và thực tiễn.

Trên cơ sở đó, mô hình WINCER – gắn kết đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng – được đề xuất như một giải pháp cụ thể, học hỏi từ các mô hình giáo dục quốc tế và các chương trình TLH trong nước [8, 9]. Mô hình này góp phần tăng tính cạnh tranh, nâng cao chất lượng đào tạo và định vị ngành TLH trong bối cảnh toàn cầu hóa.

2.3 Đo lường đánh giá chuẩn đầu ra, tác động và định vị CTĐT ngành TLH

Đo lường và đánh giá chuẩn đầu ra (CĐR) đóng vai trò quan trọng trong việc bảo đảm chất lượng giáo dục, giúp xác định mức độ đạt được mục tiêu đào tạo của chương trình, là thước đo năng lực của SV so với yêu cầu ngành học và chuẩn mực xã hội, tăng cường hiệu quả học tập và giảng dạy, là cơ sở quan trọng để cải tiến CTĐT, đáp ứng nhu cầu thực tế. Khi CĐR được đo lường chính xác, các phương pháp giảng dạy sẽ được cải thiện, giúp SV định hướng phát triển năng lực cá nhân rõ ràng hơn.

Việc đánh giá CĐR có ý nghĩa thiết thực trong việc xác định giá trị của CTĐT. Kết quả đánh giá thể hiện mức độ CTĐT đáp ứng các chuẩn mực ngành học trong nước và quốc tế, từ đó nâng cao uy tín và giá trị của CTĐT. Đồng thời, cũng là minh chứng cho cam kết của nhà trường với người học và xã hội, khẳng định rằng SV sau khi tốt nghiệp sẽ sở hữu những năng lực, kỹ năng và thái độ cần thiết để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp và xã hội [3, 4].

Đo lường CĐR có vai trò quan trọng trong việc định vị và nâng cao giá trị của CTĐT. Kết quả đo lường giúp CTĐT tăng tính cạnh tranh bằng cách đối sánh với các CTĐT khác trong khu vực. Dữ liệu đánh giá hỗ trợ điều chỉnh nội dung đào tạo phù hợp với thị trường lao động, đảm bảo SV tốt nghiệp có khả năng đáp ứng các xu hướng nghề nghiệp hiện đại, từ đó nâng cao tỷ lệ việc

làm. Hơn hết, việc thực hiện đo lường CĐR góp phần hiện thực hóa triết lý đào tạo của NTTU: “Thực học – Thực hành – Thực danh – Thực nghiệp”, thông qua việc xây dựng một CTĐT gắn lý thuyết với thực tiễn, đáp ứng kỳ vọng của xã hội [1, 2, 4].

Trong nghiên cứu này, phương pháp đối sánh được thực hiện qua việc lựa chọn 5 CTĐT ngành TLH trong nước và 3 chương trình khu vực Đông Nam Á làm mẫu so sánh. Dữ liệu đánh giá hiệu quả chương trình được thu thập từ kết quả kiểm định, khảo sát SV tốt nghiệp và ý kiến nhà tuyển dụng [8, 9].

2.4 Thiết kế CTĐT ngành TLH theo WINCER

Tại Việt Nam, một số CTĐT ngành TLH đã tích hợp các yếu tố như thực hành nghề nghiệp, nghiên cứu khoa học và hoạt động cộng đồng. Các CTĐT của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam, Trường Đại học Văn Hiến, và Trường Đại học Văn Lang bao gồm các học phần về thực hành nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học, trang bị cho SV kỹ năng thực tiễn và khả năng nghiên cứu [8]. Trên thế giới, các mô hình giáo dục đại học của Đức và Anh cũng chú trọng kết hợp giữa nghiên cứu và thực tiễn, nhằm đảm bảo CTĐT đáp ứng nhu cầu xã hội và thị trường lao động [9].

Mặc dù chưa có tài liệu cụ thể về mô hình WINCER, bài báo này đề xuất thiết kế CTĐT ngành TLH tích hợp thực tiễn, gắn kết cộng đồng và thúc đẩy nghiên cứu dựa trên WINCER. Đây là viết tắt của các yếu tố chính trong thiết kế: work integrated (W) – tích hợp công việc thực tiễn; industry relevant (I) – gắn liền với nhu cầu ngành công nghiệp; community engaged (C) – liên kết với các hoạt động phục vụ cộng đồng; research driven (R) – thúc đẩy dựa trên nghiên cứu. Cách tiếp cận hiện đại này nhấn mạnh sự liên kết giữa lý thuyết và thực tiễn, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và định hướng phát triển giáo dục đại học.

CTĐT thiết kế theo WINCER giúp SV kết nối lý thuyết với thực tiễn, tạo cơ hội thực tập tại bệnh viện, trường học, hoặc trung tâm tham vấn. Nội dung đào tạo được cập nhật, phù hợp với nhu cầu TLH ứng dụng trong xã hội hiện đại. Bên cạnh đó, việc chú trọng thực hành và

phục vụ cộng đồng giúp SV phát triển cả kiến thức chuyên môn lẫn kỹ năng mềm.

Việc thiết kế CTĐT TLH theo WINCER còn phù hợp với triết lý đào tạo “Thực học – Thực hành – Thực danh – Thực nghiệp” của NTTU. “Thực học”: cung cấp nền tảng kiến thức vững chắc thông qua nghiên cứu

(research driven); “Thực hành”: gắn lý thuyết với thực tiễn (work integrated); “Thực danh”: khẳng định vị thế của SV ngành TLH thông qua các hoạt động cộng đồng (community engaged); “Thực nghiệp”: chuẩn bị sẵn sàng cho thị trường lao động (industry relevant).

Bảng 1 Mô tả mô hình WINCER với 4 trụ cột

WINCER Components	Nội dung chính	Ứng dụng trong đào tạo TLH
1) Work integrated	Thực hành lâm sàng, dự án doanh nghiệp	SV thực tập thực tế
2) Industry relevant	Gắn nhu cầu thị trường	Học các kỹ năng hiện đại
3) Community engaged	Phục vụ cộng đồng	Tham gia hỗ trợ tâm lý cộng đồng
4) Research driven	Nghiên cứu ứng dụng	SV nghiên cứu đề tài thực tế

Mô hình WINCER giúp nâng cao uy tín của CTĐT khi được đánh giá cao bởi nhà tuyển dụng, SV và phụ huynh. Trong bối cảnh ngành TLH tại NTTU có hai chuyên ngành Tham vấn – Trị liệu và Tham vấn – Quản trị nhân sự, việc áp dụng WINCER đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng CTĐT toàn diện, phù hợp với yêu cầu thực tế của xã hội và thị trường lao động.

2.4.1 Work integrated (W) – Tích hợp công việc thực tiễn

- *Chuyên ngành Tham vấn – Trị liệu*: tích hợp công việc thực tiễn qua thực hành lâm sàng: SV được yêu cầu tham gia các buổi thực hành tại các bệnh viện tâm thần, trung tâm trị liệu hoặc trường học (đối với trẻ em có nhu cầu đặc biệt). Tại đây, SV sẽ được quan sát chuyên viên trị liệu làm việc với các bệnh nhân mắc rối loạn lo âu, trầm cảm hoặc các rối loạn tâm lý khác; tham gia hỗ trợ trực tiếp (dưới sự giám sát) trong các buổi trị liệu tâm lý như xây dựng và thực hiện bài tập thư giãn cho bệnh nhân lo âu; tổ chức các CTĐT nhóm trị liệu dành cho bệnh nhân hoặc gia đình bệnh nhân. Nhờ được tham gia tích cực vào các hoạt động này, SV hiểu rõ cách áp dụng các phương pháp trị liệu như Liệu pháp nhận thức – hành vi vào các tình huống thực tế, đồng thời phát triển kỹ năng giao tiếp chuyên nghiệp với bệnh nhân và đồng nghiệp [4, 5].

- *Chuyên ngành Tham vấn – Quản trị nhân sự*: tích hợp công việc thực tiễn, qua việc thực hiện các dự án tại các

doanh nghiệp, xây dựng và triển khai chương trình khảo sát mức độ hài lòng của nhân viên; tham gia vào quy trình tuyển dụng như phỏng vấn ứng viên, đánh giá bài kiểm tra tâm lý và đưa ra báo cáo đánh giá; xây dựng kế hoạch phát triển nhân sự dựa trên các phương pháp đánh giá năng lực, tâm lý. Qua đó, SV được rèn luyện kỹ năng phân tích tâm lý nhân sự, giao tiếp trong môi trường doanh nghiệp và xử lý các vấn đề thực tiễn liên quan đến xung đột lao động hoặc cải thiện động lực làm việc của nhân viên, giúp SV có cơ hội chuyển giao kiến thức từ lý thuyết vào thực tế, phát triển kỹ năng chuyên môn, đồng thời tạo tiền đề để họ làm việc hiệu quả ngay sau khi tốt nghiệp [6].

2.4.2 Industry relevant (I) – Gắn liền với nhu cầu ngành công nghiệp

- *Chuyên ngành Tham vấn – Trị liệu*: CTĐT được liên kết chặt chẽ với các cơ sở y tế, trung tâm trị liệu tâm lý, và tổ chức phi chính phủ hỗ trợ sức khỏe tâm thần. SV được học cách sử dụng các công cụ và phần mềm mới như ghi chép điện tử sức khỏe tâm lý, tham gia các khóa học ngắn hạn về Trị liệu từ xa – một xu hướng phổ biến trong ngành. Chương trình còn mời các chuyên gia và từ các bệnh viện lớn giảng dạy về các xu hướng hiện đại như trị liệu đa văn hóa, hỗ trợ tâm lý trong khủng hoảng và chăm sóc sức khỏe tâm thần cộng đồng. Nhờ đó, SV nắm bắt nhu cầu và xu hướng hiện tại, sẵn sàng làm việc trong môi trường đa

dạng như bệnh viện, tổ chức phi lợi nhuận, hoặc dịch vụ tâm lý trực tuyến [4, 9].

- Chuyên ngành Tham vấn – Quản trị nhân sự: chương trình học được thiết kế sát với nhu cầu quản trị nhân sự hiện đại, với các học phần như Tâm lý trong quản trị hiệu suất và TLH trong quản lý thay đổi, đáp ứng yêu cầu thực tế từ doanh nghiệp. Các dự án thực tế được đưa vào chương trình, ví dụ: thiết kế chương trình tăng cường sức khỏe tâm lý cho nhân viên, phân tích dữ liệu khảo sát nhân sự và đưa ra giải pháp cải thiện. Ngoài ra, SV được tham gia các chuyến tham quan doanh nghiệp để quan sát cách phòng ban nhân sự tích hợp TLH vào quy trình tuyển dụng, đánh giá và phát triển đội ngũ [6, 8].

Những hoạt động này giúp SV phát triển kỹ năng phân tích tâm lý trong môi trường làm việc thực tế, sử dụng thành thạo các công cụ hiện đại, đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp và đóng góp hiệu quả ngay từ giai đoạn đầu khi gia nhập lực lượng lao động.

2.4.3 Community Engaged (C) – Liên kết với cộng đồng

- Chuyên ngành Tham vấn – Trị liệu: tham gia vào các dự án hỗ trợ cộng đồng về sức khỏe tâm lý như chương trình “Hỗ trợ tâm lý cho trẻ em và thanh thiếu niên tại các khu vực khó khăn”; thực hiện các buổi tư vấn tâm lý miễn phí cho trẻ em ở vùng sâu, vùng xa, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn; xây dựng và tổ chức các hoạt động nhóm hỗ trợ, như liệu pháp nghệ thuật hoặc trò chơi trị liệu để giúp trẻ em vượt qua sang chấn tâm lý. Tham gia dự án hợp tác với các tổ chức phi chính phủ hoặc hội nhóm cộng đồng: Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Bảo vệ quyền trẻ em, để nâng cao nhận thức về sức khỏe tâm lý cho cộng đồng như phương pháp phòng chống trầm cảm và lo âu cho người trưởng thành, tập huấn cho giáo viên và cha mẹ về cách nhận biết và hỗ trợ trẻ em gặp vấn đề tâm lý,... SV có điều kiện áp dụng kiến thức chuyên môn vào thực tế, phát triển ý thức trách nhiệm với xã hội, hiểu sâu hơn về những thách thức mà cộng đồng đang đối mặt trong lĩnh vực sức khỏe tâm lý [1, 8].

- Chuyên ngành Tham vấn – Quản trị nhân sự: tổ chức các hoạt động gắn kết cộng đồng doanh nghiệp với xã hội, phối hợp với các doanh nghiệp để tổ chức các buổi tư vấn, hội thảo dành cho công nhân tại các khu công nghiệp hoặc nhân viên trong các tổ chức có khối lượng công việc lớn; thực hiện các bài đánh giá tâm lý, đưa ra khuyến nghị nhằm giảm thiểu căng thẳng và cải thiện sức khỏe tinh thần. Triển khai các dự án cộng đồng như: khảo sát tâm lý lao động phổ thông, thu thập dữ liệu về các vấn đề tâm lý phổ biến trong cộng đồng lao động (căng thẳng, áp lực tài chính, hoặc mâu thuẫn trong môi trường làm việc) và đề xuất giải pháp cải thiện; CT đào tạo kỹ năng mềm cho người lao động trẻ tuổi: hướng dẫn cách quản lý thời gian, giao tiếp hiệu quả và xây dựng mối quan hệ tích cực tại nơi làm việc. Những hoạt động này giúp SV học cách sử dụng các phương pháp TLH để giải quyết các vấn đề xã hội, rèn luyện kỹ năng hợp tác với doanh nghiệp, tổ chức phi chính phủ, cộng đồng; hiểu rõ vai trò của TLH trong việc cải thiện đời sống cộng đồng; nắm vững cách áp dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề phức tạp trong cộng đồng [5, 6].

2.4.4 Research Driven (R) – Thúc đẩy nghiên cứu

- Chuyên ngành Tham vấn – Trị liệu: thúc đẩy nghiên cứu các phương pháp trị liệu hiệu quả thông qua các hoạt động: (1) dự án nghiên cứu cá nhân hoặc nhóm: SV thực hiện nghiên cứu về hiệu quả của các phương pháp trị liệu tâm lý, như sử dụng Liệu pháp nhận thức hành vi (CBT) cho bệnh nhân trầm cảm nhẹ hoặc Trị liệu chánh niệm (Mindfulness Therapy) với người mắc rối loạn lo âu, thu thập dữ liệu thực tế qua phỏng vấn, bảng câu hỏi hoặc quan sát lâm sàng tại các trung tâm trị liệu [7]. (2) hội thảo chuyên đề: SV trình bày kết quả nghiên cứu tại các hội thảo học thuật hoặc báo cáo nghiên cứu trong trường. (3) tích hợp nghiên cứu vào thực hành: SV thử nghiệm các kỹ thuật mới trong môi trường lâm sàng dưới sự giám sát của chuyên gia.

- Chuyên ngành Tham vấn – Quản trị nhân sự: SV tham gia các hoạt động giúp phát triển kỹ năng nghiên cứu chuyên nghiệp, phù hợp với yêu cầu thực tế. Kết quả nghiên cứu có thể áp dụng trực tiếp trong các tổ chức

để giải quyết vấn đề thực tiễn. Các hoạt động gồm: (1) nghiên cứu tâm lý nhân sự (phân tích các yếu tố tâm lý ảnh hưởng đến mức độ gắn kết nhân viên, đánh giá tác động của chương trình cân bằng công việc – cuộc sống (work-life balance) đến hiệu suất làm việc), (2) phân tích dữ liệu (sử dụng phần mềm như SPSS, R hoặc Python để xử lý dữ liệu khảo sát và báo cáo), (3) mô hình dự đoán (Nghiên cứu khả năng giữ chân nhân tài dựa trên yếu tố tâm lý và dữ liệu khảo sát; đề xuất cải thiện chính sách phúc lợi từ kết quả nghiên cứu về sự hài lòng của nhân viên) [3, 7].

Các hoạt động nghiên cứu chung cho cả hai chuyên ngành gồm: (1) khuyến khích viết bài báo khoa học (SV gửi bài đến tạp chí chuyên ngành hoặc trình bày tại hội thảo học thuật quốc gia), (2) luận văn tốt nghiệp (thiết kế như dự án nghiên cứu đầy đủ, dưới sự hướng dẫn của GV và đối tác ngành), (3) tham gia dự án nghiên cứu lớn (học hỏi kỹ thuật nghiên cứu từ chuyên gia, phát triển kỹ năng sáng tạo, tư duy linh hoạt, tìm giải pháp cho các vấn đề mới, góp phần thúc đẩy ngành).

Thiết kế CTĐT ngành TLH theo WINCER đáp ứng nhu cầu thực tiễn, nhất là trong bối cảnh cần các chuyên gia tham vấn học đường, tâm lý tổ chức, và trị liệu tâm lý. Chương trình giúp tăng tính cạnh tranh, nâng cao vị thế, và thúc đẩy trách nhiệm xã hội thông qua các hoạt động hỗ trợ cộng đồng, khẳng định vai trò của ngành TLH trong giảng dạy và hỗ trợ xã hội.

Khác với các mô hình truyền thống chú trọng lý thuyết, WINCER tập trung vào gắn kết thực tiễn, tăng cường nghiên cứu ứng dụng và thúc đẩy hoạt động cộng đồng, giúp SV vừa phát triển kỹ năng nghề nghiệp vừa đóng góp cho xã hội. Đây là điểm khác biệt nổi bật so với các mô hình đào tạo truyền thống vốn thiên về lý thuyết [8, 9].

2.5 Các hoạt động phục vụ cộng đồng liên quan đến ngành TLH

Các hoạt động phục vụ cộng đồng giúp SV và GV áp dụng kiến thức TLH để giải quyết các vấn đề thực tế, từ đó nâng cao giá trị của ngành học, tạo cơ hội để SV thực hành kỹ năng tham vấn, trị liệu, nghiên cứu tâm

lý, khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tế, gắn kết nhà trường với cộng đồng, xây dựng hình ảnh tích cực của ngành TLH như một lĩnh vực hữu ích trong việc giải quyết các vấn đề xã hội, giúp nâng cao nhận thức của cộng đồng về tầm quan trọng của sức khỏe tâm lý và sự hỗ trợ từ các chuyên gia tâm lý; phát triển các kỹ năng mềm như giao tiếp, lắng nghe, xử lý vấn đề thực tế, xây dựng năng lực toàn diện cho SV, là cơ hội để khẳng định giá trị của ngành TLH trong việc giải quyết các vấn đề thực tiễn, nâng cao uy tín và định vị CTĐT trong xã hội. Giúp SV rèn luyện kỹ năng chuyên môn và năng lực giao tiếp với các đối tượng đa dạng, sẵn sàng cho công việc sau tốt nghiệp [5, 6]. Góp phần thực hiện triết lý đào tạo: phù hợp với triết lý “Thực học – Thực hành – Thực danh – Thực nghiệp” của NTTU, các hoạt động cộng đồng giúp gắn lý thuyết với thực tế và tạo cơ hội để SV khẳng định năng lực trong các môi trường thực tiễn như chương trình “Chăm sóc sức khỏe TLH đường”, “Ngày hội chăm sóc sức khỏe tinh thần cho gia đình và người cao tuổi”, “Ngày hội Sức khỏe tâm lý cộng đồng – Phục vụ xã hội”,... góp phần phát triển năng lực toàn diện cho SV ngành TLH, tạo dựng hình ảnh tích cực và đóng góp thiết thực cho xã hội. Đây cũng là một trong những yếu tố định vị ngành học mạnh mẽ trong tương lai [2, 8, 9].

3 Kết luận

CTĐT ngành TLH cần đổi mới để đáp ứng bối cảnh Giáo dục 4.0: việc tích hợp công nghệ, kỹ năng thế kỷ 21 và các phương pháp giảng dạy sáng tạo là chìa khóa giúp SV thích nghi với thị trường lao động toàn cầu và đáp ứng nhu cầu xã hội hiện đại. Phát triển toàn diện kỹ năng mềm và công nghệ số là yếu tố then chốt giúp SV trở thành những chuyên gia linh hoạt, sáng tạo, sẵn sàng đáp ứng các yêu cầu khắt khe của thị trường lao động trong tương lai. Đo lường CĐR là bước đi thiết yếu để định vị CTĐT, giúp bảo đảm chất lượng đào tạo, tăng cường khả năng cạnh tranh của ngành TLH trong khu vực Đông Nam Á. Ứng dụng mô hình WINCER trong thiết kế CTĐT tạo sự kết nối

giữa lý thuyết và thực tiễn, tập trung vào các yếu tố như tích hợp công việc thực tiễn, liên kết cộng đồng, thúc đẩy nghiên cứu, từ đó nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Tăng cường vai trò của hoạt động cộng đồng không chỉ nâng cao kỹ năng thực hành và ý thức xã hội của SV mà còn định vị ngành TLH như

một lĩnh vực hữu ích trong việc giải quyết các vấn đề xã hội cấp bách. Bài viết đóng góp vào lý luận và thực tiễn trong việc thiết kế CTĐT ngành TLH theo hướng ứng dụng, tích hợp, phù hợp với xu thế toàn cầu hóa và nhu cầu thực tiễn tại Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

1. Trần Thị Thanh Hương. (2021). *Giáo dục đại học trong thời kỳ Cách mạng công nghiệp 4.0: Cơ hội và thách thức*. NXB Giáo dục Việt Nam.
2. Tran, T., Nguyen, C. H., & Nguyen, L. T. M. (2022). *Educational innovation in Viet Nam: Opportunities and challenges of the Fourth Industrial Revolution*. Retrieved from <https://www.researchgate.net/publication/362803996>
3. Garrison, D. R., & Vaughan, N. D. (2008). *Blended learning in higher education: Framework, principles, and guidelines*. San Francisco, CA: Jossey-Bass.
4. Nguyễn Văn Cường, Trần Thị Thanh Hương. (2022). *Ứng dụng công nghệ trong đào tạo đại học ngành Tâm lý học tại Việt Nam*. *Tạp chí Giáo dục Việt Nam*, số 681.
5. Phạm Ngọc Minh. (2021). *Phát triển kỹ năng thế kỷ 21 trong CT đào tạo đại học: Lý thuyết và thực tiễn*. NXB ĐHQG Hà Nội.
6. Nguyễn Quốc Cường. (2022). *Phát triển kỹ năng mềm trong đào tạo đại học*. *Tạp chí Giáo dục*, số 678.
7. Coll, R. K., & Zegwaard, K. E. (2006). *Perceptions of desirable graduate competencies for science and technology new graduates*. *Research in Science & Technological Education*, 24(1), 29-58. <https://doi.org/10.1080/02635140500485340>.
8. Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam. (2023). *Chương trình đào tạo ngành Tâm lý học*.
9. Tạp chí Cộng sản. (2008). *Mô hình giáo dục đại học ở một số nước*. Retrieved from <https://tapchicongsan.org.vn/web/guest/hoat-ong-cua-lanh-ao-ang-nha-nuoc/-/2018/2767/mo-hinh-giao-duc-dai-hoc-o-mot-so-nuoc.aspx>, ngày trích xuất 30.11.2024

Reforming the Psychology Curriculum: Integrating the WINCER Model for Community-Based Psychological Support

Bui Thi Viet

Faculty of Psychology and Education, Nguyen Tat Thanh University, Ho Chi Minh City, Viet Nam

bthviet@ntt.edu.vn

Abstract In the context of Education 4.0, psychology as a discipline is facing increasing demands to renew its training programs to meet 21st-century competency requirements and adapt to the dynamics of the labor market. This study aims to analyze the theoretical and practical foundations for designing and innovating the Psychology curriculum toward integration and sustainable development. The research employs document analysis and comparative review of existing curricula, while adopting the WINCER model (Work Integrated – Industry Relevant – Community Engaged – Research Driven) as a framework to guide the integration of teaching, research, and community engagement. These findings clarify key directions for curriculum innovation: integrating digital technology, soft skills, and experiential learning; aligning learning outcomes with professional standards; and strengthening community-based learning activities that bridge theory and practice. The WINCER model contributes to enhancing the program’s practical orientation, applicability, and students’ capacity for social engagement. The novelty of this study lies in proposing an integrated development framework for Psychology education that links training, research, and community service, in alignment with Nguyen Tat Thanh University’s educational philosophy: “*Authentic Learning – Practice – Recognition – Profession*”. This approach highlights the university’s commitment to quality, integration, and sustainable growth in higher education.

Keywords psychology, Education 4.0, learning outcomes, WINCER, sustainable development